

## KẾT QUẢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH CÁC GIỐNG CÀ PHÊ VỚI CHÍN MUỘN TR14, TR15

Nguyễn Thị Thanh Mai<sup>1</sup>, Nông Khánh Nương<sup>1</sup>, Đinh Thị Tiểu Oanh<sup>1</sup>,  
Nguyễn Đình Thoảng<sup>1</sup>, Lại Thị Phúc<sup>1</sup>, Lê Văn Bốn<sup>1</sup>, Lê Văn Phi<sup>1</sup>,  
Vũ Thị Danh<sup>1</sup>, Hoàng Quốc Trung<sup>1</sup>, Nguyễn Phương Thu Hương<sup>1</sup>,  
Hà Thục Huyền<sup>1</sup>, Trần Thị Bích Ngọc<sup>1</sup>, Trần Hoàng Ân<sup>1</sup>, Tôn Thất Dạ Vũ<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

Hai giống cà phê với chín muộn TR14, TR15 đã được công nhận sản xuất thử từ năm 2016, có nhiều đặc điểm tốt như: năng suất cao, chất lượng tốt, kháng cao với bệnh gỉ sắt, thích ứng với điều kiện bất lợi. Kết quả đánh giá và xây dựng mô hình tại các tỉnh Tây Nguyên cho thấy giai đoạn kinh doanh cho năng suất cao và ổn định, trung bình từ 5,59 - 5,80 tấn nhân/ha tùy thuộc vùng sinh thái, tăng từ 19,60 - 24,02% so với đối chứng TR6; khối lượng 100 nhân cao (21,3 - 23,5 g); tỷ lệ hạt trên sàng 16 đạt 96,3 - 97,4%; tỷ lệ tươi/nhân thấp từ 4,1 - 4,2 và kháng rất cao với bệnh gỉ sắt. Sau 30 tháng ghép cải tạo năng suất đạt từ 3,15 - 3,19 tấn nhân/ha, tăng 31,80 - 33,47%. Mô hình trồng mới sử dụng cây ghép, năng suất trung bình 1,07 - 1,31 tấn nhân/ha, tăng 33,75 - 38,75% so với giống đối chứng TR6 sau 30 tháng trồng.

**Từ khóa:** Mô hình, giống cà phê với chín muộn, Tây Nguyên

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh sản xuất cà phê gặp nhiều khó khăn do vượt cung, giá cả biến động lớn, biến đổi khí hậu trong khi cà phê già cỗi, năng suất thấp có diện tích lớn như hiện nay thì chọn tạo giống cà phê mới cho năng suất, chất lượng cao và thích ứng với điều kiện bất lợi của môi trường là yêu cầu cấp thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu ghép thay thế hoặc trồng tái canh là một trong những giải pháp tối ưu nhằm ổn định sản lượng, nâng cao chất lượng và tăng giá trị xuất khẩu.

Xuất phát từ những yêu cầu thực tế của sản xuất, trên cơ sở kế thừa những kết quả đã chọn lọc, so sánh đánh giá các dòng vô tính cà phê với từ các năm trước, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên tiếp tục chọn lọc đánh giá và xây dựng mô hình các giống cà phê với chín muộn cho năng suất cao, chất lượng tốt, kháng cao với bệnh gỉ sắt nhằm cung cấp giống cà phê có chất lượng tốt đáp ứng với nhu cầu sản xuất cà phê bền vững ở Tây Nguyên.

### II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Vật liệu nghiên cứu

Hai giống cà phê với chín muộn TR14, TR15 đã được công nhận sản xuất thử từ năm 2016, theo quyết định số 2812/QĐ-BNN-TT ngày 07/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và giống đối chứng TR6 (Nguyễn Thị Thanh Mai, 2016).

Giống TR14 chín tập trung vào giai đoạn cuối tháng 1 đến nửa đầu tháng 2 và giống TR15 chín tập trung trong tháng 2 (Đinh Thị Tiểu Oanh, 2010).

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Quy mô, địa điểm xây dựng mô hình: Đắk Lắk: 12 ha trồng mới và 2,0 ha ghép cải tạo; Gia Lai: 02 ha trồng mới và 02 ha ghép cải tạo; Lâm Đồng: 02 ha trồng mới; Đắk Nông: 10 ha trồng mới.

- Thời gian: trồng mới và ghép cải tạo năm 2017 - 2018.

- Các biện pháp kỹ thuật, công nghệ nhân giống: được áp dụng dựa trên cơ sở quy trình trồng, chăm sóc và thu hoạch cà phê với (10TCN 478: 2001); Quy trình nhân giống cà phê với bằng phương pháp ghép (10TCN479: 2001).

- Các chỉ tiêu theo dõi: Năng suất, chất lượng quả hạt, chất lượng thử nếm, khả năng kháng bệnh gỉ sắt.

- Các phương pháp phân tích và xử lý số liệu: Số liệu thí nghiệm được tính theo phương pháp thống kê sinh học của Gomez (1984), các số liệu được xử lý trên phần mềm Excel 7.0 và SAS 9.1.

#### 2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Mô hình kế thừa: Trồng năm 2013, 2014 tại Krông Păk, Đắk Lắk; Lâm Hà, Lâm Đồng; Ia Grai, Gia Lai.

- Mô hình ghép cải tạo: Ghép năm 2017 tại Krông Buk, Đắk Lắk; Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk; Iagrai, Gia Lai.

- Mô hình trồng mới: Trồng năm 2017 tại Buôn Ma Thuột, M'đrăk, Cukui, Đắk Lắk; Ia Grai, Gia Lai; Đắk Ha, Đắk Nông.

<sup>1</sup> Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên

### III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Kết quả đánh giá các giống TR14, TR15 tại Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng vào giai đoạn kinh doanh

Các mô hình cà phê với chín muộn trồng từ những năm 2013 - 2014, tiếp tục được đánh giá năng suất và chất lượng vào giai đoạn kinh doanh tại các địa điểm Krông Păk, Đắk Lắk; Lâm Hà, Lâm Đồng và Ia Grai, Gia Lai.

**Bảng 1.** Năng suất của các giống cà phê với chín muộn TR14, TR15 vào giai đoạn kinh doanh tại các địa điểm (tấn nhân/ha)

Giống	Krông Păk, Đắk Lắk	Lâm Hà, Lâm Đồng	Iagrai, Gia Lai	TB các vùng	Tăng/giảm so với đ/c (%)
TR14	6,38	5,87	5,15	5,80	24,02
TR15	5,96	5,63	5,19	5,59	19,60
TR6 (đ/c)	5,04	4,53	4,46	4,68	-

Tại các địa điểm xây dựng mô hình các giống cà phê với chín muộn TR14, TR15 đạt năng suất khá cao. Tại Đắk Lắk và Lâm Đồng trong điều kiện chăm sóc khá tốt năng suất của các giống cà phê với chín muộn vào giai đoạn kinh doanh đạt trên 5,5 tấn nhân/ha, tại Gia Lai có điều kiện chăm sóc kém hơn nên năng suất của các giống này chỉ đạt từ 5,1 - 5,2 tấn nhân/ha. Trong cùng điều kiện canh tác, năng suất của các giống cà phê với chín muộn TR14, TR15 cao hơn hẳn so với giống đối chứng TR6. Năng suất trung bình tại các vùng xây dựng mô hình của giống TR14 đạt 5,80 tấn nhân/ha, tăng 24,02% so với đối chứng TR6 và giống TR15 đạt 5,59 tấn nhân/ha, tăng 19,60% so với đối chứng.

Bên cạnh năng suất cao, chất lượng của các giống cà phê với chín muộn khá tốt. Các chỉ tiêu về quả hạt của các giống TR14, TR15 đều đạt rất cao so với giống đối chứng TR6 tại các địa điểm xây dựng mô hình, khối lượng 100 nhân trung bình đạt từ 21,3 - 23,5 g cao hơn hẳn giống đối chứng TR6 chỉ đạt 19,0 g; tỷ lệ hạt trên sàng 16 của 2 giống này đạt rất cao, từ 96,3 - 97,4%; đây là ưu điểm nổi bật trong đánh giá tiêu chuẩn hạt cà phê nhân xuất khẩu của các giống cà phê với chín muộn. Các giống cà phê với chín muộn TR14, TR15 có tỷ lệ tươi/nhân thấp từ 4,1 - 4,2 và có khả năng kháng bệnh gỉ sắt từ mức cao đến rất cao tại các vùng sinh thái khác nhau.

Song song với chất lượng hạt cà phê nhân sống thì chất lượng thử nếm của các giống TR14, TR15 cũng được đánh giá cao, kết quả đánh giá theo tiêu chuẩn của CQI cho thấy: giống TR14 được đánh giá

về chất lượng thử nếm rất tốt, đạt 78,25 điểm; giống TR15 được đánh giá là cà phê đặc sản, với tổng số điểm đạt được 85,50. Đây là một trong những giống cà phê có tiềm năng về cả năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu với điều kiện khô hạn cần phải được phát triển rộng rãi trong sản xuất.

**Bảng 2.** Chất lượng hạt cà phê nhân sống của các giống cà phê với chín muộn TR14, TR15 vào giai đoạn kinh doanh

Chỉ tiêu	Giống	Đắk Lắk	Lâm Đồng	Gia Lai	TB
KL 100 nhân (g)	TR14	20,9	22,4	20,5	21,3
	TR15	24,9	23,5	22,0	23,5
	TR6 (đ/c)	19,4	19,2	18,4	19,0
TL hạt trên Sàng 16 (%)	TR14	95,7	97,8	95,4	96,3
	TR15	98,1	96,3	97,9	97,4
	TR6 (đ/c)	92,7	90,0	91,5	91,4
Tỉ lệ T/N	TR14	4,2	4,0	4,2	4,1
	TR15	4,2	4,2	4,2	4,2
	TR6 (đ/c)	4,2	4,2	4,4	4,3
CSB (%)	TR14	0	0	0	0
	TR15	0,1	0	0	0
	TR6 (đ/c)	0	0	0	0

#### 3.2. Mô hình ghép cải tạo

Sau 30 tháng ghép tại các địa điểm xây dựng mô hình cửa ghép cải tạo vườn cà phê già cỗi bằng các giống cà phê với chín muộn TR14, TR15 cho năng suất khá cao, trung bình đạt 3,15 - 3,19 tấn nhân/ha, cao hơn hẳn giống đối chứng TR6 chỉ đạt 2,39 tấn nhân/ha, năng suất của các giống này tăng từ 31,80 - 33,47% so với đối chứng. Đặc điểm cần lưu ý đối với các vườn cà phê cửa ghép cải tạo, ở vụ thu bói cho năng suất cao thì cần phải có chế độ chăm sóc, thâm canh đặc biệt giúp cho cây cà phê phát triển cành thứ cấp, tạo bộ tán cân đối để cây không bị kiệt sức sau 42 tháng ghép.

**Bảng 3.** Năng suất của các giống cà phê với chín muộn TR14, TR15 sau 30 tháng ghép tại các địa điểm xây dựng mô hình (tấn nhân/ha)

Giống	Krông Buk, Đắk Lắk	Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Iagrai, Gia Lai	TB các vùng	Tăng/giảm so với đ/c (%)
TR14	3,13	3,25	3,19	3,19	33,47
TR15	2,99	3,78	2,69	3,15	31,80
TR6 (đ/c)	2,29	2,64	2,25	2,39	-

**Bảng 4.** Kết quả thử nếm một số giống cà phê với

Mẫu	Hương khô	Mùi vị	Hậu vị	Vị chua	Thể chất	Độ hài hòa	Độ đồng nhất	Độ sạch	Vị ngọt	Tổng thể	Tổng điểm	Lỗi	Điểm số cuối cùng	Ghi chú
TR4	6,50	6,75	6,75	6,25	6,75	6,50	10,00	10,00	6,25	6,75	72,50	0	72,50	Mùi gia vị, đậu rang
TR5	7,00	7,25	7,00	7,00	7,25	7,50	10,00	10,00	7,50	7,25	77,75	0	77,75	Đậu rang, tinh dầu, Caramel
TR6	6,25	6,25	6,50	6,00	6,00	6,50	10,00	10,00	6,25	6,25	70,00	0	70,00	Vị đậu xanh, cảm giác khô
TR9	7,75	7,50	7,75	7,25	7,50	7,25	10,00	10,00	7,50	7,50	80,00	0	80,00	Mùi gia vị, hạt dẻ
TR10	7,50	7,25	7,00	7,00	7,25	7,75	10,00	10,00	7,25	7,25	78,25	0	78,25	Mùi gia vị, hạt dẻ, vị đậu xanh, khô
TR11	7,75	7,75	7,50	7,50	7,50	7,50	10,00	10,00	7,75	8,00	81,25	0	81,25	Mùi gia vị, hạt dẻ, vị trái cây nhẹ
TR12	7,50	7,50	7,50	7,25	7,75	7,50	10,00	10,00	7,50	7,50	80,00	0	80,00	Đậu rang, mùi gia vị, Caramel, vị trái cây
TR13	6,50	6,50	6,50	6,25	6,00	6,50	10,00	10,00	6,25	6,25	70,75	0	70,75	Đậu rang, Caramel
TR14	7,25	7,25	7,00	7,00	7,25	7,50	10,00	10,00	7,50	7,50	78,25	0	78,25	Vị trái cây, hạt dẻ, đậu xanh
TR15	8,00	8,25	8,25	8,00	8,25	8,00	10,00	10,00	8,25	8,50	85,50	0	85,50	Hạt dẻ, vị trái cây

Ghi chú: Đánh giá bởi: Công ty Cổ phần Giám định và chứng nhận hàng hóa Việt Nam (VCC&C)

Địa chỉ: 1G Đinh Bộ Lĩnh, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84.8.38271444/38271555; Fax: + 84.8.38271333.

**Bảng 5.** Chất lượng hạt cà phê nhân sống của các giống cà phê với chín muộn TR14, TR15 sau 30 tháng ghép cải tạo

Chỉ tiêu	Giống	Krông Buk, Đắk Lắk	Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Iagrai, Gia Lai	TB
KL 100 nhân (g)	TR14	18,9	19,9	19,5	19,4
	TR15	23,1	22,7	22,2	22,7
	TR6 (đ/c)	16,5	18,7	18,1	17,8
TL hạt trên Sàng 16 (%)	TR14	93,2	94,2	92,7	93,4
	TR15	97,9	97,2	97,3	97,5
	TR6 (đ/c)	76,7	90,7	91,3	86,2
Tỉ lệ T/N	TR14	4,7	4,4	4,3	4,5
	TR15	4,3	4,2	4,3	4,3
	TR6 (đ/c)	4,7	4,4	4,6	4,6
CSB (%)	TR14	0	0	0	0
	TR15	0	0	0	0
	TR6 (đ/c)	0	0	0	0

Mặc dù ở vụ thu bói nhưng chất lượng hạt cà phê nhân sống của giống TR14, TR15 đạt khá cao. Khối lượng trung bình 100 nhân của các giống này tại các địa điểm đạt từ 19,4 - 22,7g trong khi đối chứng TR6 chỉ đạt 17,8 g; tỷ lệ hạt trên sàng 16 đạt từ 93,4 - 97,5% và giống đối chứng chỉ đạt 86,2%; tỷ lệ tươi/nhân trung bình từ 4,3 - 4,5 và giống đối chứng là 4,6. Sau 30 tháng ghép cải tạo, tại cả 3 địa điểm các giống này chưa bị nhiễm bệnh gỉ sắt.

### 3.3. Mô hình trồng mới

Trong năm 2017 các giống TR14, TR15 được trồng mới tại các vùng sinh thái khác nhau gồm Buôn Ma Thuột, M'đrăk, Cukuin của tỉnh Đắk Lắk; Iagrai, Gia Lai và Đắk Ha, Đắk Nông. Sau 30 tháng trồng, các giống TR14, TR15 đã cho năng suất vụ bói, tuy nhiên năng suất thấp hơn so với tiềm năng của giống khi so sánh năng suất vườn cây cùng độ tuổi ở các năm trước. Điều này là do năm 2019 điều

kiện thời tiết bất thuận cho việc ra hoa, đậu quả và quá trình tích lũy chất khô của quả. Đối với cây ghép sau 18 tháng trồng đã cho thu quả, trong trường hợp như vậy nếu không thâm canh cao thì sẽ gây ra hiện tượng năng suất giảm sau 30 tháng trồng để phục hồi thân, cành, lá hoặc cây vẫn cho quả nhưng sẽ bị

kiệt sức sau 42 tháng trồng. Đây là đặc điểm của cây ghép cho quả sớm và năng suất cao, vì vậy kỹ thuật chăm sóc cây ghép ở những năm đầu kiến thiết cơ bản cần phải được chú trọng đầu tư, thâm canh cao hơn so với cây thực sinh.

**Bảng 6.** Năng suất của các giống TR14, TR15 sau 30 tháng trồng tại các địa điểm

Đơn vị tính: tấn nhân/ha

Giống	Buôn Ma Thuột	M'đrăk	Cukuin	Iagrai	Đắk Ha	TB	Tăng so với đ/c (%)
TR14	1,34	0,79	1,38	0,73	1,13	1,07	33,75
TR15	1,25	0,79	1,75	0,75	1,03	1,11	38,75
TR6 (đ/c)	1,00	0,67	0,97	0,60	0,76	0,80	-

Các giống cà phê với chín muộn TR14, TR15 tại các địa điểm Buôn Ma Thuột, Cukuin và Đắk Ha sau 30 tháng trồng năng suất đạt trên 1 tấn nhân/ha, nhưng tại 2 địa điểm M'đrăk và Ia Grai năng suất thấp hơn so với 3 địa điểm trên (dưới 1 tấn nhân/ha). Tuy nhiên, trong cùng điều kiện canh tác các giống TR14, TR15 cho năng suất cao hơn so với giống

đối chứng TR6, năng suất của 2 giống này tăng từ 33,75 - 38,75% so với giống đối chứng TR6. Ở vụ thu bói năng suất và chất lượng của các giống cà phê với thường chưa ổn định, còn phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố ngoại cảnh, đặc biệt nhất là khâu chăm sóc có ảnh hưởng rất lớn đến năng suất vườn cây sau này.

**Bảng 7.** Chất lượng cà phê nhân sống của các giống cà phê với chín muộn TR14, TR15 sau 30 tháng trồng tại các địa điểm

Chỉ tiêu	Giống	Buôn Ma Thuột	M'đrăk	Cukuin	Iagrai	Đắk Ha	TB
KL 100 nhân (g)	TR14	20,1	20,4	19,8	19,9	20,6	20,2
	TR15	23,1	21,4	23,8	21,0	24,1	22,7
	TR6	19,9	20,1	19,6	19,6	20,1	19,9
TL hạt trên Sàng 16 (%)	TR14	92,3	92,6	92,1	96,8	97,8	94,3
	TR15	98,3	96,6	98,1	97,8	98,8	97,9
	TR6	91,1	91,8	92,0	93,5	95,1	92,7
Tỷ lệ T/N	TR14	4,3	4,4	4,4	4,4	4,2	4,3
	TR15	4,2	4,3	4,2	4,3	4,1	4,2
	TR6	4,3	4,5	4,4	4,5	4,3	4,4

Chất lượng hạt cà phê nhân sống ở vụ thu bói thường chưa thể hiện rõ các đặc tính của giống. Tuy nhiên, đối với các giống cà phê với chín muộn TR14, TR15 mặc dù ở vụ thu bói đầu tiên nhưng có các chỉ tiêu về quả hạt khá tốt, khối lượng 100 nhân trung bình của các địa điểm xây dựng mô hình đạt từ 20,2 - 22,7 g, tỷ lệ hạt trên sàng 16 đạt 94,3 - 97,9% và tỷ lệ tươi/nhân trung bình từ 4,2 - 4,3. Các chỉ tiêu về quả hạt của các giống này đều cao hơn hẳn so với giống đối chứng TR6. Tại tất cả các vùng các giống

cà phê với chín muộn TR14, TR15 ở thời kỳ kiến thiết cơ bản chưa có biểu hiện bị nhiễm bệnh gỉ sắt.

Tóm lại, sau 30 tháng trồng các giống chín muộn TR14, TR15 sinh trưởng và phát triển tốt ở tất cả các vùng, cho năng suất và chất lượng hạt cà phê nhân sống hơn hẳn giống đối chứng TR6. Để góp phần vào việc tiết kiệm nguồn nước tưới trong điều kiện Tây Nguyên và nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê nhân xuất khẩu, các giống cà phê với chín muộn cần được nhanh chóng chuyển giao ra sản xuất.

## IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

### 4.1. Kết luận

Năng suất của các giống cà phê vối chín muộn TR14, TR15 giai đoạn kinh doanh tại các điểm xây dựng mô hình trung bình đạt từ 5,59 - 5,80 tấn nhân/ha, tăng từ 19,60 - 24,02% so với đối chứng (TR6) và ổn định qua các năm. Sau 30 tháng ghép cải tạo năng suất đạt từ 3,15 - 3,19 tấn nhân/ha, tăng 31,80 - 33,47% so với đối chứng tại các điểm xây dựng mô hình. Sau 30 tháng trồng mới sử dụng cây ghép, năng suất trung bình các vùng của các giống TR14, TR15 đạt 1,07 - 1,31 tấn nhân/ha, tăng 33,75 - 38,75% so với giống đối chứng TR6 trong cùng điều kiện.

Vào giai đoạn kinh doanh tại các vùng trồng các giống TR14, TR15 có khối lượng 100 nhân cao, trung bình từ 21,3 - 23,5 g; tỷ lệ hạt trên sàng 16 (loại R1) đạt 96,3 - 97,4%; tỷ lệ tươi/nhân thấp từ 4,1 - 4,2 và kháng rất cao với bệnh gỉ sắt.

Kết quả đánh giá chất lượng thử nếm của hai giống chín muộn theo tiêu chuẩn của CQI cho thấy: giống TR14 đạt 78,25 điểm; giống TR15 đạt 85,50 điểm, giống TR15 được đánh giá là cà phê đặc sản.

### 4.2. Đề nghị

Nhân rộng mô hình các giống cà phê vối chín muộn để nhanh chóng chuyển giao giống mới vào sản xuất bổ sung vào cơ cấu giống nhằm rải vụ giảm áp lực công lao động, sản phẩm, tiết kiệm lượng nước tưới và nâng cao chất lượng cà phê của Việt Nam.

Đưa giống TR15 vào trồng để sản xuất cà phê chất lượng cao, phục vụ cho phát triển cà phê đặc sản ở Tây Nguyên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Thanh Mai**, 2016. Nghiên cứu chọn tạo giống cà phê vối chất lượng cao cho Tây Nguyên, giai đoạn 2011 - 2015. Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, 103 trang.
- Đinh Thị Tiểu Oanh**, 2010. *So sánh sinh trưởng, năng suất và chất lượng của sáu dòng vô tính cà phê vối (Coffea canephora Pierre) chín muộn tại Đắk Lắk và Gia Lai*. Luận văn Thạc sĩ Khoa học nông nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, 130 trang.
- Tiêu chuẩn ngành 10TCN 478:2001**. Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch cà phê vối.
- Tiêu chuẩn ngành 10TCN 479:2001**: Quy trình nhân giống cà phê vối bằng phương pháp ghép.
- Gomez, K.A., Gomez, A.A.**, 1984. *Statistical procedures for agricultural research*, 2<sup>nd</sup> Ed., John Wiley & sons, 680 pages.

## Building of model for late ripening Robusta coffee clones TR14, TR15

Nguyen Thi Thanh Mai, Nong Khanh Nuong, Dinh Thi Tieu Oanh, Nguyen Dinh Thoang, Lai Thi Phuc, Le Van Bon, Le Van Phi, Vu Thi Danh, Hoang Quoc Trung, Nguyen Phuong Thu Huong, Ha Thuc Huyen, Tran Thi Bich Ngoc, Tran Hoang An, Ton That Da Vu

## Abstract

Two clones of late ripening Robusta coffee TR14, TR15 have been recognized for trial production since 2016, with many good features such as high yield, good quality, high resistance to rust, adaptability to unfavorable conditions. Results of evaluation and model building in the Central Highlands provinces showed that the coffee clones had high and stable yield at production stage, averaging from 5.59 to 5.80 tons/ha depending on ecological region, increased from 19.60 to 24.02% in comparison with the control variety TR6; the weight of 100 beans was from 21.3 to 23.5 g; the percentage of beans of sieve No.16 reached 96.3 - 97.4%; the weight ratio of fresh cherry/dried bean was low and varied from 4.1 to 4.2 and high resistance to coffee leaf rust. After 30 months, model of old coffee plants grafted with buds of TR14, TR15 yielded from 3.15 to 3.19 tons of green bean/ha, an increase of 31.80 to 33.47%. The yield of new planting model using grafted seedlings was 1.07 - 1.31 tons/ha, up 33.75 - 38.75% compared to the control variety TR6 after 30 months of planting.

**Keywords:** Model, late ripening Robusta coffee clone, Central Highlands

Ngày nhận bài: 10/3/2020

Ngày phản biện: 15/3/2020

Người phản biện: TS. Nguyễn Văn Thường

Ngày duyệt đăng: 23/3/2020